

**PHÒNG GD VÀ ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MN XÃ NOONG LUỐNG**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Noong Luống, năm 2021

PHÒNG GD VÀ ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ NOONG LUỐNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Bén	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Phạm Tuyết Thanh	P. Hiệu trưởng	Phó CT hội đồng	
3	Quàng Thị Thủy	Giáo viên	Thư ký hội đồng	
4	Phạm Thanh Thuý	P. Hiệu trưởng	Ủy viên hội đồng	
5	Nguyễn Thị Hoa	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
6	Lò Thị Duyên	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Ánh Nguyệt	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
8	Đinh Thị Ngân	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Phạm Thu Trang	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Thị Lan	Tổ phó	Ủy viên hội đồng	
11	Trần Thị Bích Thảo	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	

Noong Luống, năm 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ cái viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3	12
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	30
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	32
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	34
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	40
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	41
Mở đầu	41
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	42
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	44
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	49

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	50
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	53
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị	56
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	58
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	60
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	62
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	64
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	65
Mở đầu	65
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	66
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của trường	69
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	72
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	73
Mở đầu	73
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	73
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	76
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	78
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	82
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	84
PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG	85
PHẦN IV. PHỤ LỤC: Danh mục mã minh chứng	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý-giáo viên- nhân viên
4	ĐDDC	Đồ dùng đồ chơi
5	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
6	GDMN	Giáo dục mầm non
7	GVDG	Giáo viên dạy giỏi
8	HĐND	Hội đồng nhân dân
9	MG	Mẫu giáo
10	MN	Mầm non
11	QĐ	Quyết định
12	TNCSHCM	Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
13	UBND	Ủy ban nhân dân
14	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
15	XHHGD	Xã hội hóa giáo dục
16	CQG	Chuẩn quốc gia

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Mức 1, mức 2 đạt 25/25 tiêu chí, mức 3 đạt 16/19 tiêu chí.

2. Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 2.

PHẦN I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non xã Noong Luống

Tên trước đây: Không.

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Bén
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Điện Biên	Điện thoại	0985.704.759
Xã / phường/thị trấn	Noong Luống	Fax	
Đạt CQG	Mức độ I	Website	Edu.viettel.vn/d bn-dienbien- mnoongluong
Năm thành lập trường	2000	Số điểm trường lẻ	2
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	x
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài	không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0

Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	4	5	4	3	3
Số lớp mẫu giáo ghép 3- 4 tuổi	1	1	1	1	1
Số lớp mẫu giáo 3 tuổi	3	3	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 4 tuổi	3	3	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 5 tuổi	3	3	3	3	3
Cộng	14	15	14	13	13

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	14	15	14	13	13	
1	Phòng kiên cố	12	13	12	12	13	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	1	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	2	2	2	2	2	
1	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	

2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	9	9	9	9	9	
1	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	2	3	3	3	3	
V	Các công trình, khối phòng chức năng khác	10	10	10	11	11	(Văn phòng, phòng y tế, sân vườn, kho, công trường)
1	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	
2	Phòng bán kiên cố	8	9	9	8	8	
Cộng		37	39	38	38	38	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1				1	

Phó hiệu trưởng	2	2				2	
Giáo viên	27	27	8	1	1	25	
Nhân viên	4	3	1	2	1	1	
Cộng	34	33	9	3	2	29	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022
1	Tổng số giáo viên	29	29	29	29	27	26
2	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	10,2	11,2	11,2	12	11,4	14,3
3	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0	0
4	Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	15,6	15,6	15,6	14,8	14,1	14,3
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương	5	8	8	6	6	6
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	2	2	2	1	1	1

4. Trẻ em

T T	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022
1	Tổng số trẻ em	405	413	404	362	373
	- Nữ	217	206	200	172	185
	- Dân tộc thiểu số	246	247	245	223	242
2	Đối tượng chính sách	0	1	1	1	0
3	Khuyết tật	0	0	0	0	2
4	Tuyển mới	97	109	116	95	105
5	Học 2 buổi/ngày	405	413	404	362	373
6	Bán trú	405	413	404	362	373
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	31,3	31,2	29,6	28,2	28,6
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	23,0	20,2	27	26,6	26,6
9	- Trẻ em từ 03-12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
	- Trẻ em từ 13- 24 tháng tuổi	0	0	0	0	3
	- Trẻ em từ 25- 36 tháng tuổi	92	101	108	80	97
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	106	107	92	88	90
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	104	100	107	91	87
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	103	105	97	103	96
10	Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi					
1	Tỷ lệ (%) huy động trẻ em lứa tuổi mầm non 3-36 tháng tuổi	94/227 = 41,4%	103/221 = 46,6 %	108/230 = 47 %	90/223= 40,3 %	100/211 = 47,3 %
2	Tỷ lệ (%) huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	107/107 = 100%	113/113 = 100 %	108/108 = 100 %	118/118 = 100 %	96/96 = 100 %
3	Tỷ lệ (%) trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	107/107 = 100%	113/113 = 100 %	108/108 = 100 %	118/118 = 100 %	96/96 = 100 %
4	Tỷ lệ (%) trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0

PHẦN II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non xã Noong Luống được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 17 tháng 8 năm 2000. Nhà trường được xây dựng tại bản Huổi Phúc - xã Noong Luống - huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên. Trường có hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo cho công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Từ khi thành lập đến nay nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Noong Luống, phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên, các cơ quan ban ngành nên cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư xây dựng đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, có tường bao và hàng rào thép B40, có sân chơi được lát gạch và láng xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời đủ số lượng theo quy định. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Năm học 2021 - 2022 nhà trường có tổng số 33 CBQL - GV - NV (trong đó cán bộ quản lý 03 đồng chí, có 02 tổ chuyên môn với 26 giáo viên và 04 nhân viên). Nhà trường có 21/27 giáo viên dạy giỏi các cấp (trong đó GVĐG cấp trường 14 đồng chí; GVĐG cấp huyện 06 đồng chí, cấp tỉnh: 1 đ/c).

Nhà trường có 13 nhóm lớp với 373 học sinh, trong đó có 03 nhóm trẻ 24-36 tháng với 100 trẻ; 01 lớp MG ghép 3+4 tuổi với 22 học sinh; 03 lớp MG 3-4 tuổi với 75 học sinh; 03 lớp MG 4-5 tuổi với 87 học sinh, 3 lớp MG 5-6 tuổi 96 học sinh. Nhà trường tổ chức cho 100% số trẻ ăn bán trú tại trường, học 2 buổi/ngày và chăm sóc - giáo dục theo chương trình GDMN do BGD &ĐT ban hành. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp đạt kế hoạch đề ra, có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

Sau 21 năm đi vào hoạt động, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường qua các năm học, trường mầm non xã Noong Luống đã có những bước phát triển về mọi mặt: Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, tập thể Lao động xuất sắc, được UBND huyện Điện Biên tặng giấy khen, UBND tỉnh Điện Biên tặng bằng Khen. Các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên. Với sự nỗ lực và cố gắng không ngừng của nhà trường, ngày 16/6/2016 nhà trường đã được UBND tỉnh Điện Biên ra quyết định số 665/QĐ-UBND công nhận trường mầm non xã Noong Luống đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục được nâng lên và

khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia Mức độ 1. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực xây dựng, cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn. Duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường. Đáp ứng các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Việc tự đánh giá giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, đề xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác chăm sóc giáo dục trẻ được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nền nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao.

Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

Nhà trường đã triển khai cụ thể kế hoạch tự đánh giá tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường theo Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Thực hiện thành lập Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm, gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 03 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01- 02 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo kế hoạch, đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các minh chứng cụ thể, đảm bảo độ tin cậy.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4: Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Để báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác (máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet...) để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo.

Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí theo Thông tư số 19/2018/TT-BGD&ĐT. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và điểm yếu để làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá. Căn cứ vào Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Căn cứ vào kết quả tự đánh giá nhà trường đạt cấp độ 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Trường Mầm non xã Noong Luông năm học 2021 – 2022 đã có kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường về công tác tổ chức, quản lý các hoạt động trong nhà trường theo giai đoạn, theo năm học phù

hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và các nguồn lực của nhà trường. Nhà trường có các hội đồng, tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy định, có Hội đồng trường, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể khác thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và thực hiện có hiệu quả. Nhà trường thực hiện quản lý hành chính và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích có hiệu quả, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng chuyên đề cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục.

Nhà trường có số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đủ theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non, 100% trẻ được ăn bán trú và học 2 buổi/ngày. Giáo viên đã căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch giáo dục của nhóm/lớp theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường để đưa ra các giải pháp thực hiện cho phù hợp.

Năm học 2021 – 2022 nhà trường phân công sử dụng CBQL- GV- NV rõ ràng, hợp lý theo đúng năng lực, sở trường của từng người và được đảm bảo các quyền theo quy định, quản lý tốt các hoạt động giáo dục trong nhà trường, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị. Đảm bảo tốt an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng, chống tai nạn thương tích, phòng, chống cháy, nổ, phòng, chống bạo lực học đường, không có hiện tượng, kỳ thị, hành vi bạo lực hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một được quy định tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019. Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo giai đoạn 2020 - 2025. Phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như đội ngũ CBQL - GV - NV và học sinh [H1-1.1-01]. Nhà trường cụ thể kế hoạch giai đoạn thành kế hoạch chỉ đạo năm học của hiệu trưởng trong năm học và đề ra phương hướng cho những năm tiếp theo [H1-1.1-02].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch được giao. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường số 05/KHCL-MNNL ngày 10/09/2015 [H1-1.1-01]. Đề án vị trí việc làm [H1-1.1-03]. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học được phòng GD & ĐT huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1-02].

Năm học 2021 – 2022 nhà trường làm tốt công tác công khai phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo năm học, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của hiệu trưởng tới toàn thể CBQL-GV-NV trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đầu năm được đăng tải trên trang Web[1.1-04]. Niêm yết trên bảng tin của nhà trường để cha mẹ trẻ và nhân dân cùng biết [1.1-05].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như Hội đồng trường thực hiện giám sát các hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch đầu tư và phát triển của nhà trường, nhà trẻ trong từng giai đoạn và từng năm học, về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1-06].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường, tổ chức xây dựng phương hướng, chiến

lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường [H1-1.1-06]. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em và cộng đồng [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển theo giai đoạn, theo năm học và được cụ thể thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường được phòng GD&ĐT phê duyệt. Thực hiện các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo năm học và công khai niêm yết trên bảng tin, Website của trường. Năm học 2021 – 2022 nhà trường luôn làm tốt việc lấy ý kiến đóng góp qua rà soát, bổ sung và điều chỉnh việc thực hiện phương hướng phát triển của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường xây dựng dự thảo phương hướng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Trình Phòng GDĐT phê duyệt chiến lược phát triển nhà trường.	Hiệu trưởng, PHT	Phó hiệu trưởng và giáo viên	Tháng 9/2021	Không
Tiếp tục lấy ý kiến các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ em và cộng đồng trong xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	Hội đồng trường, CBQL-GV cha mẹ trẻ và cộng đồng	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường năm học; Đề án vị trí việc làm; Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học.	Trong năm học 2021 - 2022.	Không
Công khai phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển của nhà trường.	CBQL; Trưởng bản	Trang thông tin điện tử của trường.	Trong năm học 2021 - 2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) *Được thành lập theo quy định;*
- b) *Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) *Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Hội đồng trường được Phòng GD&ĐT công nhận theo quyết định số 1505/QĐ-PGDĐT, ngày 25/10/2017 gồm 7 thành viên [H1-1.1-06]; Các hội đồng khác do hiệu trưởng thành lập theo quy định: Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 9 thành viên [H1-1.2-01]; Hội đồng chấm sáng kiến gồm 6 thành viên [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường gồm 6 thành viên [H1-1.2-03].

Các hội đồng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18,19 của văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 quyết định Ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.1-06]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

Các hội đồng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.1-06].

Mức 2:

Các hội đồng duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường như: Hội đồng thi đua khen thưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, trẻ em trong nhà trường, hội đồng thi đua khen thưởng họp vào cuối học kỳ và cuối năm học. Hội đồng chấm sáng kiến lập kế hoạch tư vấn, chấm và xét duyệt sáng kiến theo đúng quy định. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường công nhận giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp học mầm non, tạo điều kiện để giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục thể hiện năng lực, học tập, trao đổi kinh nghiệm về chăm sóc, giáo dục trẻ; khai thác sử dụng sáng tạo, hiệu quả phương tiện, đồ dùng, đồ chơi thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Góp phần đẩy mạnh các phong trào thi đua trong trường học, nhân rộng những điển hình tiên tiến trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, từ đó

xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định, thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng gắn với các hoạt động của nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Các hội đồng tự rà soát, đánh giá, hoạt động theo định kỳ, có đề nghị ý kiến điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của trường và địa phương.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hội đồng trường duy trì và kiện toàn bổ sung thành viên khi có sự thay đổi thành viên.	Hội đồng trường trường mầm non Noong Luống	Tờ trình kiện toàn của hội đồng trường.	Năm học 2021-2022.	Không
Ra Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng.	Hiệu trưởng trường mầm non Noong Luống	Văn bản hợp nhất Số: 04/VBHN-BGDĐT quyết định ban hành điều lệ trường mầm non.	Năm học 2021-2022	Không
Ra Quyết định thành lập Hội đồng chấm thi GVĐG cấp trường.	Hiệu trưởng trường mầm non Noong Luống	Văn bản hợp nhất Số: 04/VBHN-BGDĐT quyết định ban hành điều lệ trường mầm non.	Năm học 2021-2022	Không
Ra Quyết định thành lập Hội đồng chấm sáng kiến theo đúng quy định.	Hiệu trưởng trường mầm non Noong Luống	Văn bản hợp nhất số: 04/VBHN-BGDĐT quyết định ban	Năm học 2021-2022	Không

		hành điều lệ trường mầm non.		
Hội đồng trường và các Hội đồng khác tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ.	Hội đồng trường và hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng chăm sóc kiến, hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường.	Phân công nhiệm vụ, Kế hoạch hoạt động của hội đồng trường.	Năm học 2021-2022	Không
Hội đồng trường giám sát việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng trường theo đúng chức năng nhiệm vụ. Tham gia giám sát việc thực hiện nhiệm vụ năm học, đánh giá viên chức hàng năm.	Chủ tịch Hội đồng trường	Các thành viên hội đồng trường	Năm học 2021-2022	Không
Hội đồng trường họp định kỳ ít nhất 1 năm 2 lần và họp bất thường.	Chủ tịch Hội đồng trường	Các thành viên hội đồng trường	Năm học 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 34 công đoàn viên: Có Ban chấp hành Công đoàn gồm 01 Chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 03 ủy viên [H1-1.3-01]; Chi đoàn TNCSHCM gồm 01 bí thư đoàn, 01 phó bí thư và 5 đoàn viên [H1-1.3-02].

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thực hiện theo Điều lệ hoạt động của Công đoàn Việt Nam, Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường đảm bảo thực hiện hoạt động theo quy định như: Phối hợp tổ chức các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu, hội thi của giáo viên và trẻ, các hoạt động phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Các hoạt động của tổ chức, đoàn thể nhà trường thường xuyên được Ban chấp hành đoàn xã Noong Luống thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá. Liên đoàn lao động huyện kiểm tra định kỳ vào cuối năm học nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập gồm Bí thư chi bộ, phó bí thư và 12 đảng viên, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong năm học 2021 – 2022 tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Noong Luống đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Năm học 2021 – 2022 các đoàn thể, tổ chức khác tích cực phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, chất lượng giáo viên, chất lượng các hội thi, các hoạt động phong trào của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 3:

Trong học 2021 - 2022 Chi bộ nhà trường luôn triển khai và thực hiện tốt các quy định của Hiến pháp, pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ Đảng Cộng sản Việt

Nam và được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Các đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường trong năm học đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và mang lại hiệu quả cao trong quá trình hoạt động như: Phối hợp tổ chức các ngày lễ hội, giao lưu, hội thi của giáo viên và trẻ, các hoạt động phong trào thể dục - thể thao [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCSHCM đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Trong năm học, các tổ chức được rà soát và được đánh giá có hiệu quả trong phối hợp thực hiện các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục trẻ em của trường như: Phối hợp tổ chức các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu, hội thi của giáo viên và trẻ, các hoạt động phong trào thể dục - thể thao. Trong năm học chi bộ Đảng của trường luôn được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chi bộ đảng, công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch hoạt động theo đúng điều lệ, định kỳ họp 1 lần/tháng theo quy định.	Bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn, bí thư Đoàn thanh niên	Các đảng viên, đoàn viên, Đoàn thanh niên	Năm học 2021- 2022	Không
Tổ chức đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các đơn vị bạn trong huyện để học tập về cách tạo môi trường trong và ngoài lớp, nâng cao chất lượng đội ngũ, công tác quản lý, chỉ đạo trong thực hiện nhiệm vụ.	Bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn, bí thư Đoàn thanh niên	Các đảng viên, đoàn viên, Đoàn thanh niên	Năm học 2021- 2022	3.000.000 đồng (Phong trào nhà trường)
Tổ chức các buổi chuyên đề, lấy ý kiến thảo luận, đề xuất các ý tưởng đổi mới của các thành viên như: Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu	Bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn, bí thư Đoàn thanh niên	Các đảng viên, đoàn viên, Đoàn thanh niên	Năm học 2021- 2022	Không

bài học, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.				
Phân công đảng viên giúp đỡ bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để kết nạp Đảng.	Bí thư chi bộ	Các Đảng viên, Đoàn viên ưu tú	Năm học 2021- 2022	Không
Tổ chức kết nạp đảng viên mới 02 Đảng viên.	Bí thư chi bộ	Các Đảng viên, Đoàn viên ưu tú	Năm học 2021- 2022	Không
Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên tiếp tục phối hợp chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đoàn viên công đoàn.	Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên	Các đoàn viên công đoàn, đoàn viên	Năm học 2021- 2022	Không
Trong năm học các tổ chức đoàn thể phối hợp với các trường trên địa bàn xã để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.	Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên	Các đoàn viên công đoàn, đoàn viên	Năm học 2021- 2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng [H1-1.4-01] và 02 phó hiệu trưởng [H1-1.4-02].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn (Tổ MGL+ Nhỡ có 13 đồng chí, tổ MGB + NT có 13 đồng chí), 01 tổ văn phòng có 07 đồng chí [H1-1.4-03]. Các tổ chuyên môn có 1 tổ trưởng và 1 tổ phó và tổ văn phòng đều có tổ trưởng [H1-1.4-04].

Năm học 2021 – 2022 tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo năm, tháng, nhằm chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác theo phân công nhiệm vụ; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]. Tổ Văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm nhằm phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ; Giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; đánh giá, xếp loại các thành viên theo các đợt thi đua, năm học [H1-1.4-07]. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng vào tuần 1 và tuần 3 [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06], tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng tuần 2 và tuần 4 [H1-1.4-07].

Mức 2:

Năm học 2021 – 2022 các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, chất lượng chuyên môn và yêu cầu về chăm sóc giáo dục trẻ đề xuất các nội dung chuyên đề với chuyên môn nhà trường để xây dựng kế hoạch chung cho cả năm học, tháng. Căn cứ vào kế hoạch cụ thể của nhà trường, các tổ xây dựng và thực hiện chuyên đề giải quyết những vướng mắc khó khăn thực tế của giáo viên, từ đó thúc đẩy chất lượng chuyên môn của giáo viên góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Tổ mẫu giáo lớn nhờ đã đề xuất và thực hiện các chuyên đề như: Thảo luận đề xuất các hoạt động lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe trong thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ để phòng chống dịch covid-19, trao đổi thảo luận thiết kế hoạt động giáo dục, hoạt động chơi để trẻ nhận biết cảm xúc của bản thân và người khác, Bồi dưỡng nâng cao những tiêu chuẩn trong chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên trong tổ, Chia sẻ cách thức hỗ trợ cha mẹ chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp 1. Cách đánh giá chất lượng trẻ cuối năm, đánh giá học sinh 5 tuổi SHCMTNCBH như Hoạt

động chơi TCM: Tôi vui tôi buồn, Hoạt động chiều Kỹ năng nhận biết biểu hiện khi ốm, Hoạt động học Toán: Đo độ dài các vật bằng 1 đơn vị đo, so sánh diễn đạt kết quả đo, Hoạt động trải nghiệm: Gieo hạt (quá trình hạt nảy mầm) Hoạt động học: Âm nhạc: NĐTT Biểu diễn bông hoa mừng cô, em đi chơi thuyền, bạn ơi có biết NDKH: NH: Em đi qua ngã tư đường phố TCAN: Nghe tiết tấu tìm đồ vật; Hoạt động chiều: Sử dụng các nguyên vật liệu thiên nhiên tạo ra sản phẩm tạo hình, trải nghiệm về ngày 22/12 [H1-1.4-05]. Tổ mẫu giáo bé, nhà trẻ đã đề xuất và thực hiện các chuyên đề như: Chia sẻ phương pháp xây dựng môi trường thân thiện lấy trẻ làm trung tâm, sưu tầm nguyên vật liệu thiết kế đồ chơi xây dựng môi trường thân thiện lấy trẻ làm trung tâm, Nâng cao khả năng giáo viên về chế độ dinh dưỡng và đảm bảo ATTP phòng chống dịch covid-19, bồi dưỡng những tiêu chí chưa đạt trong chuẩn nghề nghiệp cho giáo viên trong tổ, ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy; SHCMTNCBH như HĐC: Kỹ năng không nhận quà của người lạ, HĐ Tạo hình: Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích, HĐ Toán Xếp xen kẽ, hoạt động trải nghiệm ngày 8/3, cảm xúc của bản thân, chơi với màu nước, bé chơi với lõi giấy. [H1-1.4-06].

Trong năm học 2021 – 2022 các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch được định kỳ rà soát, kiểm tra, đánh giá từ đó có sự điều chỉnh bổ sung kế hoạch các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tham mưu tổ chức các hoạt động chuyên đề, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, chương trình giao lưu theo các chủ đề, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện sinh hoạt chuyên đề tổ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-08]. Hoạt động của tổ Văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng phù hợp cho trẻ, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, tham gia đánh giá chức theo quy định, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].

Trong năm học 2021 – 2022 các tổ chuyên môn thực hiện có hiệu quả được hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đánh giá các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch, có sự tham gia đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng cán bộ quản lý theo quy định, trong năm học các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Các tổ chuyên môn đề xuất các chuyên đề và tổ chức các hoạt động theo quy định, có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như: Tham mưu tổ chức các hoạt động chuyên đề, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, chương trình giao lưu theo các chủ đề, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện sinh hoạt chuyên đề tổ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định, đánh giá viên chức với tổ văn phòng, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Ra Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng	CBQL, tổ trưởng.	Phân công nhiệm vụ, nội quy.	Trong năm 2021 -2022	Không
Các cán bộ quản lý, tổ trưởng xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo phân công.	CBQL, tổ trưởng, các thành viên tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn	Trong năm học	Không
Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề tổ theo nghiên cứu bài học. Đổi mới cách thức tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn: Dành thời gian để trao đổi thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng CNTT trong các hoạt động...	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	Năm học 2021-2022	Không
Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của tổ chuyên môn,	Phó hiệu trưởng	Tổ trưởng chuyên môn,	Năm học 2021-2022	Không

tổ văn phòng theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của trường và kiểm tra đột xuất hoạt động chỉ đạo của cán bộ quản lý, tổ trưởng các tổ.		giáo viên		
Tổ chuyên môn đề xuất chuyên đề: Xây dựng thư viện thân thiện phù hợp với bối cảnh địa phương.	Phó hiệu trưởng	Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên	Năm học 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học 2021 – 2022 các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo của nhà trường được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2021 - 2022, trường có 13 nhóm, lớp trong đó: 3 nhóm trẻ 25 - 36 tháng, 1 lớp mẫu giáo ghép 3-4 tuổi, 3 lớp MG đơn 3-4 tuổi, 3 lớp MG đơn 4-5 tuổi, 3 lớp mẫu giáo đơn 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

Trong năm học các nhóm trẻ/lớp mẫu giáo được ăn bán trú và học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN [H1-1.5-02].

Năm học 2021 - 2022 nhà trường có 1 trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 2:

Trong năm học 2021 – 2022 số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi. Trong đó, 03 nhóm trẻ 25-36

tháng với 100 trẻ, bình quân 33,3 trẻ/nhóm; 10 lớp mẫu giáo với 263 trẻ, bình quân 26,3 trẻ/lớp [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong năm học nhà trường không có số lượng quá 20 nhóm, lớp: Năm học 2021 - 2022 có 13 nhóm lớp (3 nhóm trẻ, 10 lớp MG) [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định và các nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi phù hợp với tình hình phân bố dân cư của địa phương theo từng điểm trường. 100% các lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường có 01 lớp mẫu giáo ghép do khoảng cách ở điểm trường xa trung tâm, số lượng trẻ ít, không đủ để bố trí thành lớp đơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phối hợp các lực lượng trên địa bàn huy động tối đa số trẻ trong độ tuổi ra lớp, đặc biệt là trẻ từ 0-2 tuổi. Duy trì và tổ chức tốt các nhóm, lớp đảm bảo số lượng trẻ/nhóm, lớp và bố trí sắp xếp phù hợp số lượng trẻ/nhóm, lớp.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch giáo dục trẻ em. Phân công nhiệm vụ hàng năm.	Trong năm học	
Xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và giao chỉ tiêu huy động trẻ cho từng giáo viên đảm bảo số học sinh/lớp theo kế hoạch.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên	01/8 hằng năm	Không
Tiếp tục tham mưu với các cấp mở rộng diện tích đất xây thêm phòng học để bố trí đủ số lượng học sinh phân chia theo độ tuổi.	Hiệu trưởng	Các tổ chức đoàn thể	Năm học 2021-2022	Không

Tiếp tục duy trì 100% trẻ học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường	Hiệu trưởng	Các tổ chức đoàn thể	Năm học 2021-2022	Không
--	-------------	----------------------	-------------------	-------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

6. Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường gồm có: Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01], hồ sơ quản lý chuyên môn [H1-1.1-02], hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01], sổ theo dõi công văn [H1-1.6-02], hồ sơ quản lý tài sản, tài chính [1.6-03]; hồ sơ quản lý bán trú [1.6-04].

Trong năm học 2021 – 2022 nhà trường lập dự toán thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản và thực hiện công khai tại Bảng tin và trên hệ thống gmail chung của nhà trường, qua các cuộc họp phụ huynh học sinh. Nhà trường tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các quy định hiện hành. Có đầy đủ các chứng từ, lưu trữ theo quy định [1.6-03].

Trong năm học 2021 – 2022 nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục [1.6-

03]. Định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản 2 lần/năm [H1-1.4-08]; Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật vào tháng 1 hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [1.6-03].

Mức 2:

Trong năm học 2021 – 2022 qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính như: Phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia; quản lý tài chính và tài sản sử dụng phần mềm Misa của nhà trường; Phần mềm Phổ cập giáo dục – xóa mù chữ; Website trường mầm non xã Noong Luống; Hệ thống máy vi tính được kết nối mạng Internet thực hiện các hoạt động trong nhà trường [1.6-03]; [1.1-04].

Trong năm học 2021 – 2022 nhà trường được Phòng giáo dục kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản [1.6-03].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch giao ngân sách nhà nước tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và điều kiện thực tế của địa phương, có kế hoạch vận động tài trợ xã hội hóa giáo dục. Nhà trường quản lý, sử dụng các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp để chi thực hiện chế độ chính sách cho CB, GV, NV và trẻ, tu sửa cơ sở vật chất trường, lớp, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học; kinh phí XHH giáo dục để chi tổ chức các hoạt động phong trào, tu sửa, nâng cấp các hạng mục cơ sở vật chất trong nhà trường; khai thác và sử dụng CSVC, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để phục vụ cho các hoạt động giáo dục, hàng năm vào cuối mỗi năm học nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản cho bảo vệ và bàn giao cho giáo viên các lớp vào đầu mỗi năm học [H1-1.4-08], định kỳ trong năm học kiểm tra rà soát để kịp thời tu sửa và đề xuất với Phòng GD&ĐT mua cấp bổ sung. Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các loại hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật Lưu trữ. Trong năm học nhà trường đã làm tốt công tác lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành; quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Nhà trường

sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Trong năm học nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và điều kiện thực tế của địa phương ngoài ngân sách nhà nước để phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục chỉ đạo việc sử dụng, lưu trữ hồ sơ sổ sách của nhà trường theo quy định.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên y sỹ, kế toán	Năm học 2021-2022	Không
Quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực tài chính, CSVC của nhà trường đúng quy định.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên y sỹ, kế toán	Năm học 2021-2022	Không
Đưa nội dung về kế hoạch sử dụng ngân sách và huy động các nguồn kinh phí khác để phát triển nhà trường vào Kế hoạch phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025.	Hiệu trưởng	Kế toán	Năm học 2021-2022	Không
Trong năm học xây dựng KH vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ nhằm	Hiệu trưởng	Kế toán	Năm học 2021-2022	Không

nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường.				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học 2021 – 2022 nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho CBQL, GV, NV với các nội dung cụ thể căn cứ hướng dẫn của Phòng GDĐT, kế hoạch tự học tự bồi dưỡng và kết quả đánh giá CBQL, GV theo Chuẩn hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Đồng thời, mỗi CBQL, GV đều có kế hoạch tự bồi dưỡng thường xuyên, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn [H1-1.7-01];

Trong năm học 2021 – 2022 nhà trường phân công, sử dụng CBQL, GV, NV đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục của nhà trường [H1-1.7-02].

Trong năm học 2021 – 2022 hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định. 100% giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền lợi: Đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp; được cử đi học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.1-07]; [1.6-03]; [H1-1.3-01].

Mức 2:

Trong năm học 2021 – 2022 nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như: Phân công nhiệm vụ cụ thể,

phù hợp với năng lực của từng người [H1-1.7-02]; tăng cường tuyên truyền, giáo dục viên chức, người lao động nâng cao nhận thức, ý thức thực hiện nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác; xây dựng nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với năng lực của đội ngũ [H1-1.1-02]; [H1-1.7-01]; tiếp tục đổi mới công tác thi đua khen thưởng gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng chuyên môn phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với tình hình chất lượng đội ngũ CBQL, GV, NV hằng năm. Thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực và điều kiện hoàn cảnh của từng người. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được bảo đảm các Quyền theo quy định của pháp luật và theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và sinh hoạt chuyên đề cho đội ngũ CBQL, GV, NV theo hướng nghiên cứu bài học tập trung nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên nhà trường.	CB QL, tổ trưởng, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Năm học 2021-2022	Không
Đảm bảo đầy đủ các quyền lợi cho CBQL, GV, NV theo quy định của pháp luật.	CBQL, giáo viên.	Điều lệ trường mầm non, Các văn bản quy định chế độ chính sách cho CBQL-GV-NV	Năm học 2021-2022	Không
Xây dựng KH bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên	Hiệu trưởng	Giáo viên, nhân viên	Năm học 2021-2022	Không
Động viên và tạo điều kiện	Hiệu	Nhân viên	Năm học	Không

cho nhân viên tham gia học các lớp nâng chuẩn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	trưởng		2021-2022	
Phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực sở trường của từng người	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	01/8 hằng năm	Không
Khen thưởng, động viên kịp thời cho CBQL, GV, NV	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	30/5 hằng năm	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

b) *Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học 2021 - 2022, nhà trường căn cứ Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành và tình hình thực tiễn của trường để xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.8-01]. Các nhóm/lớp có kế hoạch giáo dục trẻ theo năm học, tháng/chủ đề, tuần và ngày phù hợp với quy định của Chương trình GD nhà trường, khả năng, năng lực của từng trẻ, điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.5-02].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục của nhóm/lớp, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01].

Nhà trường, tổ chuyên môn, giáo viên các lớp phối hợp định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá theo chủ đề và điều chỉnh kế hoạch giáo dục kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01]; [H1-1.4-08].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ như: Giao trách nhiệm chỉ

đạo về chuyên môn của các tổ cho các phó hiệu trưởng phụ trách; hằng năm nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp trong kế hoạch kiểm tra nội bộ của trường, kiểm tra đột xuất các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ ở các điểm trường lẻ [H1-1.4-08]; phối hợp với phụ huynh học sinh ở các nhóm, lớp kiểm tra việc thực hiện chế độ sinh hoạt của trẻ ở trường tại các nhóm [1.6-03]; Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được Phòng giáo dục và đào tạo huyện Điện Biên kiểm tra đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục sát với chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, đảm bảo phù hợp với khả năng, năng lực của từng trẻ, điều kiện của lớp, của trường và địa phương, 100% các nhóm, lớp triển khai thực hiện kế hoạch đầy đủ, hiệu quả. Đồng thời, nhà trường đưa ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch kịp thời phù hợp với tình hình thực tế. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được Phòng giáo dục và đào tạo huyện Điện Biên kiểm tra đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác tự học tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chăm sóc giáo dục trẻ của đội ngũ nhà giáo.	CBQL, tổ chuyên môn, giáo viên	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn.	Trong năm học 2021 – 2022	Không
Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất việc thực hiện kế hoạch giáo dục của giáo viên tại các nhóm lớp.	CBQL	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Kế hoạch kiểm tra nội bộ.		Không
Kịp thời tư vấn, thúc đẩy chất lượng xây dựng kế hoạch giáo	CBQL, tổ trưởng chuyên			Không

dục của đội ngũ giáo viên.	môn, giáo viên cốt cán			
Tăng cường tổ chức các buổi thảo luận sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, tham gia các lớp tập huấn chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên	Trong năm học 2021 – 2022	Không
Rà soát, đánh giá và điều chỉnh chương trình GD của trường	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên	Trong năm học 2021 – 2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường. Cụ thể: CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, phương hướng phát triển nhà trường, xây dựng Quy chế dân chủ, quy chế quản lý và sử dụng tài sản, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn thông qua: Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ [H1-1.9-01]; Họp công đoàn trường [H1-1.3-01]; Hội nghị viên chức, người lao động [H1-1.9-02]; .

Trong năm học 2021 - 2022 nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.1-07].

Trong năm học 2021 - 2022 nhà trường báo cáo kịp thời về tình hình thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị gửi về Phòng GD&ĐT huyện [H1-1.9-01].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường như: Hội đồng trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ như giám sát việc công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường [H1-1.1-06]. Ban thanh tra nhân dân giám sát thi đua, nâng lương, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và kết quả thu chi các khoản xã hội hóa giáo dục một cách công khai, minh bạch [H1-1.9-03] nhà trường công khai trên bảng tin, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường về các hoạt động của trường để nhân dân theo dõi, giám sát [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Trong năm học 2021 - 2022 nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ, đảm bảo 100% CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Nhà trường có các giải pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện các hoạt động của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch dưới nhiều hình thức như: Hội đồng trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ như giám sát việc công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường. Ban thanh tra nhân dân giám sát thi đua, nâng lương, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và kết quả thu chi các khoản xã hội hóa giáo dục một cách công khai, minh bạch, nhà trường công khai trên bảng tin, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường về các hoạt động của trường để nhân dân theo dõi, giám sát.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường và nhân dân trên địa bàn tham gia giám sát thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	Ban thanh tra nhân dân, hội đồng trường, nhân dân trên địa bàn.	Quy chế hoạt động các đoàn thể, Quy chế dân chủ.	Trong năm học 2021 – 2022	Không
Công khai KH thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo	Năm học 2021-2022	Không

		viên, nhân viên		
Lấy ý kiến của đội ngũ nhà giáo trước khi xây dựng các quy chế, quy định, các hoạt động của nhà trường.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	Năm học 2021-2022	Không
Lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng để kịp thời giải quyết	Hiệu trưởng	Giáo viên, phụ huynh, cộng đồng	Trong năm học 2021-2022	Không
Nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình của mỗi cá nhân trong các buổi họp và trong các buổi đánh giá xếp loại viên chức, chuẩn nghề nghiệp giáo viên, Chuẩn Hiệu trưởng cuối năm	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	Cuối năm học 2021-2022	Không
Tiếp tục giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường	Chủ tịch hội đồng trường	Ban thanh tra nhân dân	Trong năm học 2021-2022	Không
Báo cáo việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	Trong năm học 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, xây dựng đầy đủ các phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; Phương án trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; Phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; Phương án phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-02]; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội [H1-1.10-06]; Phương án phòng, chống bạo lực (học đường) trong nhà trường [H1-1.10-07]; Nhà trường có tổ chức bếp ăn và có cam kết điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm [1.10-08].

Nhà trường có hộp thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng số: 0985704759 để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh, của người dân và các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [1.10-09].

Trong năm học 2021 – 2022 không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có cán bộ, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực trẻ em và những hành vi, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.1-07].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm; Phương án phòng chống tai nạn thương tích; Phương án an toàn, phòng chống cháy nổ; Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phương án phòng chống dịch bệnh; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp [H1-1.1-02], sinh hoạt chuyên môn [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06], qua hệ thống bảng công khai, tuyên truyền của nhà trường [1.1-05]; phối hợp với Công an

xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1.10-10]. Trong năm học hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, bảo vệ được tham gia lớp tập huấn về phòng chống cháy nổ do Phòng GD&ĐT tổ chức [H1-1.10-11]. Trong năm học nhà trường triển khai tập huấn cho CB,GV,NV về công tác phòng chống cháy nổ [H1-1.10-04].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự. Có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả như: Thông qua hệ thống camera của trường [1.10-12], thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp. Trong năm học không có hiện tượng bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.1-07]. Trường nhiều năm liền được UBND huyện Điện Biên công nhận trường an toàn phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phương án cụ thể để đảm bảo an ninh, an toàn trật tự, phòng tránh tai nạn, thương tích.... trong nhà trường; trang bị đầy đủ phương tiện phòng chống cháy nổ. Các phương án được triển khai và hướng dẫn toàn thể CBQL, giáo viên, nhân viên thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường, phương án phòng chống cháy nổ, phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Trong năm học nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. Trường năm học nhà trường được UBND huyện Điện Biên công nhận trường an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	Năm học 2021-2022	Không
Giao nhiệm vụ cụ thể cho nhân viên bảo vệ kiểm tra bảo đảm an ninh trật tự trường học; giáo viên các lớp để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ	Hiệu trưởng	Nhân viên bảo vệ, giáo viên	01/8/2021	Không
Phối kết hợp chặt chẽ với công an xã Noong Luống để	Hiệu trưởng	Công an xã	Năm học 2021-2022	Không

đảm bảo an ninh trật tự cho nhà trường				
Mua sắm bổ sung thiết bị phòng cháy, chữa cháy	Hiệu trưởng	Giáo viên, nhân viên	Năm học 2021-2022	3.000.000 (Ngân sách nhà trường)
Đăng ký tập huấn cho CB, GV, NV về cách phòng cháy, chữa cháy để kịp thời xử lý khi có sự cố cháy nổ xảy ra.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	Năm học 2021-2022	Không
Phối hợp với trạm y tế xã kiểm tra VSATTP, vệ sinh bếp ăn.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, trạm y tế xã	Năm học 2021 - 2022	Không
Thực hiện nghiêm túc về việc kiểm thực 3 bước theo quy định của Bộ Y tế	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, nhân viên y tế.	Năm học 2021 - 2022	Không
Thực hiện chuyên đề Bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho đội ngũ giáo viên.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên	Năm học 2021 - 2022	Không
Tự kiểm tra trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích và tham mưu lập tờ trình đề nghị UBND huyện công nhận trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên	Năm học 2021 - 2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Trường Mầm non xã Noong Luống đã xây dựng kế hoạch đề ra phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2025 được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ theo từng năm học và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; Có chi bộ Đảng và các đoàn

thể hoạt động theo đúng quy định; có Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn, tổ văn phòng đủ theo quy định. Các tổ khối hoạt động hiệu quả, được định kỳ rà soát đánh giá và điều chỉnh.

Trong năm học 2021 - 2022, nhà trường có số lượng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định, được phân chia theo độ tuổi và lớp ghép. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, trong năm học, nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ; trong năm học quản lý tài chính, lập dự toán thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, hằng năm có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với phòng Giáo dục và Đào tạo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế, các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học được nhà trường công khai, minh bạch. Công tác an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo, không có hiện tượng kỳ thị bạo lực, vi phạm pháp luật trong nhà trường. Nhà trường chưa có kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách với điều kiện của nhà trường, thực tế địa phương.

+ *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10 Mức độ 1, 2: 10/10 tiêu chí, mức độ 3: 5/5 tiêu chí.*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.*

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Nhà trường có đội ngũ CBQL, GV đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, đáp ứng yêu cầu, số nhân viên kiêm nhiệm bố trí phù hợp và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong GDMN, có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục và trung cấp lý luận chính trị, có năng

lực quản lý nhà trường và khả năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Đội ngũ GV, NV nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ đã từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, hàng năm CBQL, GV được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức khá cao. Không có cán bộ, giáo viên và nhân viên vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2021-2022 hiệu trưởng Nguyễn Thị Bến có thời gian công tác liên tục trong GDMN là 19 năm [H1-1.4-01]; Phó hiệu trưởng Phạm Tuyết Thanh công tác liên tục trong ngành GDMN là 19 năm; Phó hiệu trưởng Phạm Thanh Thúy công tác liên tục trong ngành GDMN là 18 năm [H1-1.4-02]; Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều có bằng đại học sư phạm mầm non, có bằng trung cấp lý luận chính trị, chứng chỉ bồi dưỡng quản lý GDMN có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-02].

Trong năm học 2021 – 2022 hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng tốt theo quy định. Đồng chí hiệu trưởng Nguyễn Thị Bén được đánh giá xếp loại tốt trong năm, đồng chí phó hiệu trưởng Phạm Tuyết Thanh được đánh giá xếp loại tốt, đồng chí phó hiệu trưởng Phạm Thanh Thúy được đánh giá xếp loại tốt [H2-2.1-04].

Trong năm 2021 - 2022 3/3 cán bộ quản lý đều được tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục mầm non theo quy định như: Bồi dưỡng chuyên môn hè, bồi dưỡng chuyên đề các cấp [H2-2.1-05].

Mức 2:

Trong năm học tính đến thời điểm đánh giá đồng chí hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng luôn bồi dưỡng nâng cao khả năng quản lý, sáng tạo trong chuyên môn nghiệp vụ đưa nhà trường đạt hiệu quả cao. Đồng chí hiệu trưởng Nguyễn Thị Bén được đánh giá xếp loại tốt năm học 2021 – 2022 theo Chuẩn hiệu trưởng. Đồng chí phó hiệu trưởng Phạm Tuyết Thanh được đánh giá xếp loại tốt trong năm học 2021 - 2022 xếp loại tốt; Đồng chí phó hiệu trưởng Phạm Thanh Thúy được đánh giá xếp loại tốt trong năm học 2021 - 2022 [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]. Trong quá trình công tác các đồng chí luôn được sự tin nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-03]; [H2-2.1-05].

Mức 3:

Trong năm học 2021 – 2022 tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng mức tốt, phó hiệu trưởng 1 được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức mức tốt, Phó hiệu trưởng 2 được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt và là cán bộ cốt cán chuyên môn của phòng Giáo Dục huyện [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định, Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có trình độ chuyên môn Đại học, có bằng trung cấp lý luận chính trị, được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý GDMN. Cán bộ quản lý nhiệt tình, có năng lực, tâm huyết với nghề, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, luôn được đồng nghiệp tin nhiệm, cha mẹ trẻ em và nhân dân địa phương tin tưởng. Đồng chí hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng sáng tạo trong chỉ đạo thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Trong năm học Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT đánh giá theo chuẩn hiệu trưởng

đạt từ mức tốt theo Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non, phó hiệu trưởng Phạm Thanh Thúy là cán bộ cốt cán chuyên của phòng Giáo Dục huyện.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia bồi dưỡng nâng cao về nghiệp vụ quản lý giáo dục, phát huy khả năng sáng tạo trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường MN xã Noong Luống	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non.	Trong năm học 2021-2022	Không
Nhà trường tham mưu với phòng GD&ĐT huyện, UBND huyện bổ sung cho nhà trường 1 phó hiệu trưởng cho nhà trường đủ theo định mức biên chế.	Hiệu trưởng trường MN xã Noong Luống	- Xây dựng đề án vị trí việc làm.	Năm học 2021 – 2022	Không
Tiếp tục đi thăm quan học tập kinh nghiệm các trường trong huyện để nâng cao năng lực chuyên môn và quản lý chỉ đạo.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng	Trong năm học 2021 – 2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời

điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2021-2022, nhà trường có tổng số 26 giáo viên (nhà trẻ: 7 giáo viên/3 nhóm trẻ tỷ lệ 2,3 GV/ 1 nhóm; mẫu giáo: 19 giáo viên/10 lớp MG, tỷ lệ 1,9 GV/1 lớp), đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định [H1-1.6-01].

25/26 giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn (trong đó 1/26 giáo viên có trình độ cao đẳng sư phạm, 24/26 giáo viên có trình độ Đại học sư phạm mầm non), 1/26 giáo viên chưa đạt chuẩn [H2-2.2-01]. Giáo viên trung cấp đã có kế hoạch đi học vào tháng 6 năm 2021 theo lộ trình nâng chuẩn đào tạo GV của huyện.

Tính đến thời điểm đánh giá, 26 giáo viên được đánh giá xếp loại giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức đạt trở lên. Mức tốt 9/26 đạt 34,3%, mức khá 15/26 đạt 57,7% và mức đạt 3/26 đạt 11,5% [H2-2.2-02].

Mức 2:

Từ năm học 2021- 2022 nhà trường có 24/26 đạt 92,3% trình độ trên chuẩn và tỷ lệ giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn được duy trì ổn định trong năm học [H2-2.2-01].

Trong năm học tính đến thời điểm đánh giá 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức đạt trở lên. Năm 2021 – 2022, có 3/26 GV xếp loại đạt, 15/26 GV xếp loại khá, 9/26 GV xếp loại tốt [H2-2.2-02].

Năm học 2021-2022, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-07].

Mức 3:

Trong năm học 2021 - 2022 đến thời điểm đánh giá có 92,3% giáo viên đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo [H2-2.2-01].

Trong năm học tính đến thời điểm đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên 3/26 GV xếp loại đạt, 15/26 GV xếp loại khá, 9/26 GV xếp loại tốt [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên (26 GV), hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định (tỷ lệ GV/nhóm trẻ nhà trẻ: 7 giáo viên/3 nhóm trẻ tỷ lệ 2,3 GV/ 1 nhóm; mẫu giáo: 19 giáo viên/10 lớp MG, tỷ lệ 1,9 GV/ 1 lớp. Trường có 25/26 giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn (trong đó 1/26 giáo viên có trình độ cao đẳng sư phạm, 24/26 giáo viên có trình độ Đại học sư phạm mầm non), 1/26 giáo viên chưa đạt chuẩn. Trong năm học 2021-2022 đến thời điểm đánh giá nhà trường có ít nhất 88,4% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Trong năm học tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Nhà trường có 1 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo. Do không có lớp vì trường ít học sinh không mở lớp, tháng 6/2021 sẽ đăng ký theo học tại trường Đại học sư phạm Tây Bắc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho 27/27 giáo viên qua các hoạt động tập huấn chuyên môn, thăm lớp dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Tạo điều kiện cho 1 giáo viên đã đăng ký tham gia học tập để nâng cao trình độ chuẩn và trên chuẩn học đại học sư phạm MN	Đội ngũ giáo viên.	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 ban hành chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Trong năm học 2021 - 2022	

Tiếp tục thực hiện đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên	Năm học 2021-2022	Không
Tiếp tục bồi dưỡng phấn đấu tăng số lượng giáo viên cốt cán cấp huyện.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên	Năm học 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 nhân viên bảo vệ hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP; 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm, và 1 nhân viên phục vụ và 01 nhân viên kế toán biên chế, 03 nhân viên nấu ăn hợp đồng làm việc ngắn hạn [H1-1.6-01]; [H2-2.3-01].

Các nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng người: Nhân viên kế toán thực hiện các nhiệm vụ về công tác tài chính-kế toán của nhà trường, lập chứng từ thu ăn bán trú, thu-chi nguồn ngân sách nhà nước, chế độ học sinh, thu -chi nguồn thỏa thuận, các nguồn XHH giáo dục, hỗ trợ nhân viên nuôi dưỡng nấu ăn cho học sinh, thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công, nhân viên Y sỹ thực hiện nhiệm vụ của nhân viên y tế theo quy định; cân đo trẻ theo quý; kiểm tra công tác VSATTP trong nhà trường; thực hiện đúng quy trình kiểm định 3 bước của Bộ Y tế; hỗ trợ nhân viên nuôi dưỡng nấu ăn cho học sinh; thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công, nhân viên phục vụ thực

hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký kết; dọn dẹp, vệ sinh các phòng làm việc, phóng chức năng; công tác văn thư; hỗ trợ nhân viên nuôi dưỡng nấu ăn cho học sinh; thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công, nhân viên bảo vệ trực trường theo văn bản đã ký kết; chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản của nhà trường, hỗ trợ nhân viên nuôi dưỡng nấu ăn cho học sinh, thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công, nhân viên nấu ăn; nhận và ký kết thực phẩm hàng ngày đảm bảo đủ số lượng và chất lượng; thực hiện công việc nấu ăn hằng ngày cho học sinh đảm bảo VSATTP theo quy định [H1-1.7-02].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt cơ sở vật chất trong nhà trường, hằng năm các nhân viên luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên y tế kiêm nhiệm không ổn định dẫn đến nhà trường phải giao việc theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe trẻ cho giáo viên dẫn tới một số sổ theo dõi sức khỏe của trẻ còn chưa có kết quả theo dõi chính xác [H2-2.3-02].

Mức 2:

Nhà trường có 01 nhân viên trong biên chế, 02 nhân viên hợp theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018, 01 nhân viên y tế kiêm nhiệm [H1-1.6-01]. Nhà trường có 04 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn và bố trí 2 nhân viên của nhà trường hỗ trợ nhiệm vụ nấu ăn cho trẻ, Nhà trường còn thiếu 1 nhân viên nấu ăn [H2-2.3-01]; [H1-1.7-02].

Năm học 2021 - 2022, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có đội ngũ nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp trình độ đại học kinh tế, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp trường Y Điện Biên, nhân viên phục vụ có chứng chỉ sơ cấp y tá, trong năm nhân viên bảo vệ và nhân viên nấu ăn được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ [H2-2.3-03].

Hằng năm, nhân viên y tế phụ trách công tác bán trú, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm [H2-2.3-04], nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy [H1-1.10-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng nhân viên đáp ứng vị trí việc làm tổng 8 người cả biên chế, kiêm nhiệm và hợp đồng. Nhân viên trong nhà trường được phân công

nhệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế của mỗi cá nhân. Nhân viên nấu ăn hằng năm được tập huấn kiến thức về vệ sinh ATTP, thực hiện nghiêm túc các điều kiện quy định về sức khỏe cá nhân, quy trình chế biến thức ăn. 100% số nhân viên của nhà trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu: Nhà trường hiện còn thiếu 1 nhân viên nấu ăn so với định mức. Nhân viên y tế kiêm nhiệm không ổn định, nhà trường phải giao việc theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe trẻ cho giáo viên dẫn tới một số sổ theo dõi sức khỏe của trẻ chưa có kết quả chính xác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề: Nhân viên y tế tập huấn về công tác y tế học đường, nhân viên nấu ăn bồi dưỡng kiến thức VSATTP, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán.	Hiệu trưởng	Các nhân viên	Năm học 2021-2022	Không
Tích cực tham mưu với UBND xã, phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh vận động các bậc phụ huynh ủng hộ kinh phí để hợp đồng thêm nhân viên nấu ăn.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2021-2022	Không
Tiếp tục phân công nhiệm vụ cho các nhân viên kế toán, nhân viên bảo vệ, nhân viên y sỹ, nhân viên phục vụ kiêm nhiệm công tác nấu ăn cho trẻ	Hiệu trưởng	Các nhân viên	Năm học 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Trường Mầm non xã Noong Luống có đội ngũ CBQL-GV-NV đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đáp ứng được các yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có bằng đại học sư phạm, có nhiều năm công tác liên tục trong ngành giáo dục, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có đủ sức khỏe để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm. Trong năm học đến thời điểm được đánh giá, hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt. 88,4% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ mức khá trở lên trong đó xếp loại tốt là 9/26 giáo viên đạt 34,6%.

Các nhân viên trong nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ đào tạo và năng lực làm việc thực tế, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Giáo viên và nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong năm học tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật. Nhà trường hiện còn thiếu 1 nhân viên nấu ăn so với định mức. Nhân viên y tế kiêm nhiệm không ổn định, nhà trường phải giao việc theo dõi và đánh giá tình hình sức khỏe trẻ cho giáo viên dẫn tới một số số theo dõi sức khỏe của trẻ chưa có kết quả chính xác.

- *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 2: 3 tiêu chí*

+ *Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3 tiêu chí đạt mức 2, 3/3 tiêu chuẩn đạt mức 3*

+ *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học là yếu tố quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Chính vì lẽ đó nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng chăm sóc giáo dục, mua sắm thiết bị để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và các điểm trường với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Có cổng trường, biển tên trường, tường bao và hàng rào B40 bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố và bán kiên cố. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, có sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Có đủ các phòng sinh hoạt chung, phòng giáo dục nghệ thuật, đảm bảo về diện tích và các thiết bị dạy học phục vụ cho công tác chăm

sóc giáo dục trẻ. Nhà bếp, nhà kho xây dựng bán kiên cố, được vận hành đúng theo quy trình bếp 1 chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) *Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi, cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

a) *Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

b) *Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp: có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp: Có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

c) *Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).*

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích đất xây dựng 4.961,8m² (trong đó: Trung tâm trường có diện tích 2.007,7m²; Điểm trường A1: 2.554,1m²; điểm trường Hưng Biên 400m²). Tổng số trẻ toàn trường là 373 trẻ bình quân là 13,3m²/trẻ [H3-3.1-01].

Có cổng trường, biển tên trường đúng theo quy định tại Điều 7, Điều lệ trường mầm non. Trung tâm và các điểm trường đều có tường bao, hàng rào thép B40 bao quanh được dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, phù hợp cảnh quan môi trường thân

thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02]. Trường được UBND huyện công nhận đạt trường an toàn phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-11].

Trường có đủ sân chơi, hiên chơi với tổng diện tích 900m², hành lang với tổng diện tích 250 m² cho các nhóm, lớp. Sân chơi chung có diện tích 650 m² được quy hoạch và thiết kế bố trí phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ, tất cả trẻ đều được sử dụng. Cây xanh thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa gọn gàng tạo bóng mát cho trẻ hoạt động, có vườn cây, vườn rau dành riêng cho trẻ tham gia trải nghiệm thực hành [3.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình 3.089,3 m², bình quân 8,5m²/trẻ và diện tích sân vườn toàn trường 1.872,5 m², khu trung tâm có diện tích xây dựng công trình là 1.425,7 m², diện tích sân vườn là 582 m², điểm trường A1 có diện tích xây dựng công trình là 1.507,1 m², diện tích sân vườn là 1.047 m²; điểm trường Hưng Biên có diện tích xây dựng công trình là 156,5 m², diện tích sân vườn là 243,5 m² [H3-3.1-01].

Trung tâm trường, điểm A1 có tường bao xây kiên cố, điểm trường Hưng Biên xung quanh trường có hàng rào thép B40 bao quanh ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ song chưa có tường bao quanh. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập. Điểm trường A1 có vườn cỏ tích với các nhân vật gần gũi thân thuộc với trẻ, có cỏ cây hoa lá để trẻ trải nghiệm giúp trẻ gần gũi hơn với thiên nhiên [3.1-02].

Khu vực trẻ chơi có 5 loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời, khu vực trẻ chơi thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, có tường, hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn ngăn cách với bên ngoài [3.1-02].

Mức 3:

Sân chơi có khu vực hoạt động riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động [3.1-02]. Có 5 loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành và có bổ sung 1 thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ [1.6-03]. Khu trung tâm có 6 đồ chơi, điểm trường A1 có 5 đồ chơi, điểm trường Hưng Biên có 5 đồ chơi ngoài trời. 3/3 sân chơi đảm bảo có 5 loại đồ chơi không cùng chủng loại [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu đảm bảo theo quy định (4.961,8m², bình quân 13,3m²/trẻ). Có đầy đủ công,

biên tên trường, khuôn viên trung tâm và điểm trường có tường bao, hàng rào thép B40 bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vườn cổ tích để trẻ học tập vui chơi và trải nghiệm, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời.

3. Điểm yếu

Điểm trường Hưng Biên xung quanh trường chưa có tường bao kiên cố (hiện có lưới thép B40 bao xung quanh trường) do địa hình khó khăn 1 bên sát đồi, 1 bên ta luy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Báo cáo Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực trạng cơ sở vật chất của nhà trường. Lập tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân xã cấp bổ sung đất để mở rộng diện tích đất, Lập tờ trình đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ kinh phí để xây dựng tường bao điểm trường Hưng Biên	CBQL GVNV	Kế hoạch xây dựng và tu sửa cơ sở vật chất. Kinh phí	Năm học 2021-2022	300 triệu đồng
Viết thư ngỏ kêu gọi các nguồn tài trợ từ các nhà hảo tâm để tu sửa cơ sở vật chất. Họp phụ huynh kêu gọi đóng góp ủng hộ kinh phí và ngày công để tu sửa cơ sở vật chất cho nhà trường.	CBQL GVNV, phụ huynh, Đoàn thanh niên xã.	Kế hoạch xây dựng và tu sửa cơ sở vật chất. Kinh phí	Năm học 2021-2022	500 triệu đồng
Thường xuyên bổ sung và chăm sóc cắt tỉa bồn hoa, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường xanh sạch	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên,	Năm học 2021-2022	Không

đẹp.		kế toán		
Phát động thi làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo theo từng chủ đề.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên	Năm học 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 13 phòng học. Trong đó, có 03 phòng cho 3 nhóm trẻ 25-36 tháng tuổi, 10 phòng cho 10 lớp MG (3 lớp MG 3-4 tuổi, 3 lớp MG 4-5 tuổi, 3 lớp MG 5-6 tuổi, 1 lớp MG ghép 3,4 tuổi) [3.1- 02].

Nhà trường có 13 phòng sinh hoạt chung giành cho các lớp MG tại trung tâm và điểm trường, có 1 nhóm trẻ 25-36 tháng D1 tại trung tâm diện tích còn chật. Phòng sinh hoạt chung là nơi học tập và vui chơi của trẻ và dùng để tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Trường có 3 phòng ngủ giành cho trẻ 25- 36 tháng tuổi [1.6-03]. Trung tâm và 02 điểm trường có khu giáo dục thể chất với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ. Tại trung tâm phòng giáo dục nghệ thuật còn chật hẹp, trung tâm

và điểm trường A1 có 02 phòng giáo dục nghệ thuật, trang bị đầy đủ đồ dùng (Gương, gióng múa, đàn...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật cho trẻ [1.6-03]; [3.1-02].

Các nhóm, lớp và khối phòng phục vụ học tập có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho trẻ, có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ [3.1-02]; [1.6-03].

Mức 2:

Có 13 phòng học tổng diện tích 547,2m², bình quân 1,5m² cho một trẻ và đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà lát gạch màu sáng sạch sẽ và 4 phòng ngủ diện tích 102 m², bình quân 1,27 m² cho một trẻ nhà trẻ, đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm về mùa đông, có phản ngủ, chiếu, chăn, gối, quạt đầy đủ; có khu giáo dục thể chất diện tích 222 m² và 2 phòng giáo dục nghệ thuật ở trung tâm và điểm trường có diện tích 64,6m², có thiết bị đàn cô và trẻ, gióng múa, gương [1.6-03]; [3.1-02].

Có đầy đủ hệ thống tủ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu sách hướng dẫn, tổ chức các hoạt động giáo dục, tạp chí giáo dục... được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [3.1-02]. Nhà trường còn thiếu 1 phòng ngủ cho trẻ 25- 36 tháng ở trung tâm [1.6-03].

Mức 3:

Nhà trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 13 phòng sinh hoạt chung cho 13 lớp đảm bảo diện tích (bình quân 1,5m²). Có 4 phòng ngủ riêng cho trẻ nhóm trẻ 25-36 tháng, có đủ phản, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, thuận tiện khi sử dụng. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo đủ ánh sáng thoáng mát phục vụ hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Các phòng học đều có hệ thống tủ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có phòng giáo dục nghệ thuật và khu giáo dục thể chất để tổ chức cho trẻ hoạt động giáo dục đáp ứng được nhu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, nghệ thuật.

3. Điểm yếu: Nhà trẻ 25-36 tháng D1 và phòng giáo dục nghệ thuật tại điểm trung tâm diện tích còn chật hẹp. Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và thiếu 1 phòng ngủ cho trẻ 25- 36 tháng ở trung tâm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực	Nhân	Điều kiện để	Thời	Dự
------------------------------	------	--------------	------	----

hiện	lực thực hiện	thực hiện	gian thực hiện	kiến kinh phí
Báo cáo, lập tờ trình, trình Phòng GD&ĐT, hỗ trợ kinh phí mở rộng diện tích, xây thêm phòng giáo dục nghệ thuật, phòng ngoại ngữ, tin học, xây thêm phòng ngủ cho trẻ ở khu trung tâm.	Phòng GD&ĐT, CBQL	Kế hoạch phát triển nhà trường;	Năm 2021-2022	800 triệu đồng
Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các thiết bị, đồ dùng tại các khối phòng học và bổ sung thiết bị cần thiết cho các khối phòng giáo dục nghệ thuật khi bị hao mòn.	CBQL, GV, NV	Kế hoạch kiểm tra nội bộ; Đồ dùng, thiết bị dạy học, kinh phí	Năm học 2021-2022	50 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có các loại phòng theo quy định;

b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;

c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Đảm bảo diện tích theo quy định;

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khối phòng hành chính - quản trị gồm: Văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên [3.1-02].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, bảng biểu, thiết bị cho cán bộ, giáo viên, nhân viên họp và tổ chức các hoạt động khác. Phòng hiệu trưởng, phó hiệu

trường có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc; phòng hành chính - quản trị có máy tính, tủ tài liệu; phòng dành cho nhân viên có tủ để đồ dùng cá nhân, phòng bảo vệ có bàn ghế, đồng hồ, bảng, sổ theo dõi khách, đồ dùng, thiết bị đảm bảo theo yêu cầu [1.6-03]; [3.1-02].

Trung tâm trường có khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; điểm trường A1 có khu để xe dành cho giáo viên được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, khoa học [3.1-02].

Mức 2:

Văn phòng trường có diện tích 44,5m²; phòng Hiệu trưởng có diện tích 22m², phòng các phó hiệu trưởng diện tích 15m², phòng hành chính - quản trị có diện tích 13 m², phòng bảo vệ có diện tích 12m²; phòng dành cho nhân viên có diện tích 15m², phòng y tế có diện tích 17m², các phòng đủ diện tích đảm bảo quy định theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3907:2011 [1.6-03]; [3.1-02].

Khu để xe dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, khu để xe trung tâm có diện tích 50m², bình quân 2,5 m²/xe, điểm trường A1 có diện tích 40 m², bình quân 5 m²/xe, được bố trí hợp lý đảm bảo đủ diện tích cho xe giáo viên [3.1-02].

Mức 3:

Có đủ các phòng theo quy định, đảm bảo đủ theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế mầm non, được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý và được bố trí độc lập; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu; phòng dành cho nhân viên có diện tích đảm bảo, khu vệ sinh giành cho cán bộ giáo viên, nhân viên được bố trí thuận tiện, có đầy đủ thiết bị phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường [1.6-03]; [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; 02 phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo diện tích (bình quân 2,6 m²/xe). Các phòng có đủ đồ dùng, thiết bị và được thiết kế phù hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch để thường xuyên bổ sung, thay thế, tu sửa các thiết bị của các phòng khi có hỏng, xuống cấp, hao mòn.	CBQL, nhân viên kế toán	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất hàng năm.	Năm học 2021-2022	10.000.000/năm
Cải tạo nâng cấp khu để xe cho giáo viên ở trung tâm và các điểm trường	CBQL, nhân viên kế toán	Kế hoạch tu sửa cơ sở vật chất hàng năm.	Năm học 2021-2022	10.000.000/năm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 02 bếp ăn (01 bếp ăn ở trung tâm, 01 bếp tại điểm trường A1). Bếp ăn của nhà trường được xây dựng theo quy trình bếp ăn một chiều [3.1-02].

Kho chứa thực phẩm được phân chia thành các khu vực riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm như: cách mặt đất 20cm, cách tường 10cm, có cửa sổ thoáng, có tủ để thực phẩm khô được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, dễ để, dễ lấy [3.1-02].

Trung tâm và điểm trường A1 có bếp ăn và tổ chức nấu ăn có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, tủ cấp đông để lưu trữ thực phẩm trước và sau khi chế biến thức ăn cho trẻ hàng ngày, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.1-02], thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ [1.6-04].

Mức 2:

Nhà bếp của trường có tổng diện tích 104m² (trong đó bếp trung tâm:74 m² và điểm trường A1 có diện tích 30 m² theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non. Có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày. Nhà bếp có bình chữa cháy đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh [1.6-03];[3.1-02]. Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non, có bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm giữa cục vệ sinh an toàn thực phẩm với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên và trường Mầm non xã Noong Luống [1.10-08].

Mức 3:

2/2 bếp ăn của trung tâm và điểm trường A1 được bố trí độc lập với khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân chơi. Bếp được sắp xếp và hoạt động theo quy trình bếp một chiều, có bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm giữa cục vệ sinh an toàn thực phẩm của trường mầm non xã Noong Luống với Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm Tỉnh Điện Biên, diện tích bình quân/trẻ của bếp ở khu trung tâm là 0,25 m²/trẻ, điểm trường A1 là 0,48 m²/trẻ. Khu sơ chế, chế biến của 2/2 bếp đủ ánh sáng, thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và chia thức ăn. Khu chia thức ăn có cửa đi riêng. Nhà kho được phân chia khu vực riêng cho thực phẩm và lượng thực; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện. Diện tích kho của trung tâm là 10,4 m², điểm trường A1 là 6,8 m²[3.1-02].

2. Điểm mạnh

02/02 bếp nấu ăn của nhà trường có đủ diện tích theo quy định của tiêu chuẩn Quốc gia TCVN3907:2011 (tổng diện tích 104 m² bình quân 0,29 m²/trẻ), Bếp có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, có kho để dự trữ thực phẩm được phân chia theo từng khu vực, đảm bảo thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường, có đủ đồ dùng để làm vệ sinh và khử trùng. Có đủ nước sạch phục vụ cho trường trong sinh hoạt hàng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh.

3.Điểm yếu: Không**4.Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí

	hiện			
Tiếp tục bảo quản, sử dụng các đồ dùng, thiết bị nhà bếp một cách hiệu quả.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, kế toán, nhân viên bảo vệ	Năm học 2021 – 2022	Không
Tiếp tục tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường Mầm non đạt hiệu quả cao.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, kế toán, nhân viên bảo vệ	Năm học 2021 – 2022	10.000.000 đồng (Nguồn: khoản thuận nhà trường)
Tiếp tục thực hiện các quy định an toàn phòng cháy chữa cháy.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, nhân viên nấu ăn, nhân viên bảo vệ	Năm học 2021 – 2022	Không
Kiểm tra việc thực hiện các hoạt động nấu ăn theo quy trình một chiều	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, nhân viên y sỹ	Năm học 2021 – 2022	Không
Phối hợp với trung tâm y tế huyện Điện Biên kiểm định chất lượng nước	Hiệu trưởng	Trung tâm y tế huyện Điện Biên	Năm học 2021 – 2022	Không
Phối hợp với trạm y tế xã Noong Luống kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	Hiệu trưởng	Y tế xã Noong Luống	Năm học 2021 – 2022	Không
Xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường	Hiệu trưởng	CB, GV, NV trong trường	Năm học 2021 – 2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

13/13 nhóm, lớp của nhà trường có đủ, đồ dùng, đồ chơi, các thiết bị đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành Danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [1.6-03].

Trong năm học 2021 - 2022 nhà trường phát động phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Chấm đồ dùng đồ chơi theo từng chủ đề, tổ chức Hội thi phụ huynh cùng làm đồ dùng đồ chơi. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ như cây hoa nhựa để lắp ghép, bộ đồ chơi cài cỏi cúc, bộ ghép nút chai...[3.1- 02].

Các thiết bị của nhà trường hằng năm được kiểm kê định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên xây dựng kế hoạch kiểm tra các thiết bị, đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại các điểm trường, nhóm, lớp [1.6-03].

Mức 2:

17/17 máy tính trong nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [3.5-01].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non 13/13 nhóm, lớp đủ đồ dùng, thiết bị dạy học. Tính đến thời điểm đánh giá, số bộ thiết bị là 13 bộ/13 nhóm, lớp. Trong đó mẫu giáo lớn có 3 bộ, mẫu giáo nhỡ có 3 bộ, mẫu giáo bé có 3 bộ, MGG 3+4 có 1 bộ, nhóm trẻ 24-36 tháng có 3 bộ [1.6-03].

Hằng năm nhà trường được Phòng GD&ĐT cấp bổ sung các thiết bị dạy học theo quy định về danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho

giáo dục mầm non. Các nhóm lớp tự làm đồ dùng đồ chơi phục vụ cho các hoạt động giáo dục, phù hợp và an toàn cho trẻ [1.6-03].

Mức 3:

Đồ dùng đồ chơi tại các điểm trường, các nhóm, lớp được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt; thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm, được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu cho 13/13 nhóm, lớp theo quy định. Hằng năm nhà trường phát động phong trào làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Chăm đồ dùng đồ chơi theo từng chủ đề, tổ chức Hội thi phụ huynh cùng làm đồ dùng đồ chơi. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm và ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ. 100% (17/17) máy tính được kết nối Internet phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục thực hiện việc bàn giao, kiểm kê tài sản, ĐD, ĐC, thiết bị hàng năm để có kế hoạch tu sửa, bổ sung và nâng cấp.	CBQL, giáo viên	Biên bản kiểm kê, bàn giao ĐDĐC; Danh mục ĐDĐC	Đầu năm, cuối năm học	Không
Lập tờ trình tham mưu với phòng giáo dục bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi ngoài trời cho trung tâm và các điểm trường	CBQL, giáo viên	Kế hoạch tham mưu; Tờ trình bổ sung thiết bị đồ dùng đồ chơi hàng năm.	Năm 2021-2022	Không
Huy động phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu cùng giáo viên làm ĐDĐC cho trẻ chú	Giáo viên, cha mẹ học	Cha mẹ học sinh ủng hộ kinh phí,	Năm 2021-2022	Không

trọng đưa yếu tố văn hoá địa phương vào ĐDDC cho trẻ.	sinh.	hiện vật.		
Kiểm tra thường xuyên việc bảo quản thiết bị đồ chơi phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.	CBQL, giáo viên.	Kế hoạch kiểm tra nội bộ.	Năm 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 5 nhà vệ sinh của trẻ tại trung tâm và các điểm trường, được phân thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện; 01 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên ở khu trung tâm [3.1-02].

Hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường [3.1-02]. Có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho CBQL, giáo viên, nhân viên và trẻ [H3-3.6-01].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công việc làm vệ sinh và khử trùng [3.1-02].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ sử dụng tổng diện tích 145m², bình quân 0,4m² cho một trẻ đảm bảo theo quy định, có vòi nước rửa tay, có chỗ đi tiểu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái, bệ có nắp đậy; có vòi rửa tay bê và 10 ghế ngồi bê cho trẻ nhà trẻ, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát; Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên

nhân viên 20m² đủ diện tích, có phòng tắm thiết kế xây dựng phù hợp đảm bảo theo quy định phù hợp cảnh quan, đảm bảo vệ sinh môi trường [3.1-02].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ hệ thống giếng khoan bảo đảm tiêu chuẩn về nước ăn uống theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01-1:2018/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt [H3-3.6-01]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế như: Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập trung, đảm bảo vệ sinh phòng bệnh [3.1-02].

2. Điểm mạnh

100% các nhóm lớp trong nhà trường đều có nhà vệ sinh (tổng diện tích 145m², bình quân 0,4m²/trẻ), đảm bảo đầy đủ thiết bị, thuận tiện cho trẻ sử dụng. Có khu vệ sinh riêng biệt dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ diện tích theo quy định (20 m²). Có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng KH, lộ trình sửa chữa nhà vệ sinh tại các điểm trường A1, Hưng Biên Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp trên địa bàn và các bậc phụ huynh ủng hộ để tu sửa.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, kế toán, các bậc phụ huynh	Năm 2021-2022	10.000.000 đồng (XHH giáo dục nhà trường)
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp, thoát nước.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, kế toán, nhân viên bảo vệ	Năm 2021-2022	5.000.000 đồng (XHH giáo dục nhà trường)

Thực hiện thu gom xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Sử dụng nguồn nước đảm bảo theo quy định, thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường theo quy định chung.	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	Năm 2021-2022	Không
--	-------------	---------------------------------------	---------------	-------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường có các công trình được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, có diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích, được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo bền đẹp. Nhà trẻ 25-36 tháng D1 và phòng giáo dục nghệ thuật tại điểm trung tâm diện tích còn chật hẹp. Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và thiếu 1 phòng ngủ cho trẻ 25-36 tháng ở trung tâm.

Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày. Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non, có bản cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm giữa cục vệ sinh an toàn thực phẩm với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên và trường mầm non xã Noong Luông. Khu vệ sinh cho giáo viên, cho trẻ được xây dựng đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có kế hoạch tu sửa và bổ xung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6 đạt mức 1,2 và 4/5 tiêu chí đạt mức 3

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, thì công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và

xã hội giữ vai trò vô cùng quan trọng. Vì vậy trong năm học 2021 - 2022 nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội. Trong năm học nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ chủ động phối hợp với nhà trường trong công tác tham mưu với cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc tổ chức thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường gồm có 13 thành viên gồm: 01 Trưởng ban, 02 Phó ban, 10 thành viên thường trực, các nhóm/lớp đều có Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhóm/lớp. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01].

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, nhóm/lớp có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học [H4-4.1-01].

Trong năm học, Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch đã xây dựng, các nội dung

đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ trẻ của nhà trường, của các lớp thực hiện có hiệu quả [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường và của các nhóm/lớp phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: Tham gia cùng cô và trẻ trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, lao động cuốc đất trồng rau cho trẻ điểm trường A1, san đất làm nhà vệ sinh ở khu trung tâm. Phối hợp với nhà trường hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh như: Chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, chính sách trẻ khuyết tật, trẻ hộ nghèo [H4-4.1-01].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động các nguồn lực như công lao động để tôn tạo cảnh quan môi trường, tu sửa cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong các năm. Cụ thể 2021 – 2022 huy động được huy động được 373 công lao động của phụ huynh nhà trường tích cực trong việc tu sửa cơ sở vật chất, cải tạo cảnh quan môi trường học tập thân thiện, an toàn cho trẻ như: Tôn tạo lại công viên của bé tại điểm trường A1, góc thư viện cho trẻ hoạt động. Thường xuyên và tích cực trồng và chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, vườn rau, thay thế bóng điện, đường dây, hệ thống quạt ở trung tâm và điểm trường Tổng huy động được trong năm quy thành tiền là ba mươi hai triệu đồng [H4-4.1-01]; [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của 13/13 nhóm, lớp của trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; Phối hợp với nhà trường tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường, công lao động để tu sửa cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Tổng huy động được trong năm quy thành tiền là 132.000.000 (Một trăm ba mươi hai triệu đồng) . Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp với hội khuyến học xã, chi hội khuyến học các thôn bản vận động học sinh ra lớp, tuyên truyền phụ huynh

cho trẻ đi học đều đầy đủ và giám sát công tác bán trú, công tác thu - chi tài chính từ các nguồn đóng góp của phụ huynh có hiệu quả

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì Ban đại diện cha mẹ trẻ em của trường, của mỗi lớp vào mỗi năm học và duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ.	Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ	Trong năm học 2021-2022	Không
Tổ chức tuyên truyền, vận động phụ huynh nhiệt tình tham gia vào công việc chung, hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ trẻ đề ra.	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ	Kế hoạch tuyên truyền phối hợp với cha mẹ trẻ. Tổ chức họp cha mẹ học sinh	Trong năm học 2021-2022	Không
Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà.	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ	Kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh và các buổi tuyên truyền với phụ huynh về chăm sóc giáo dục trẻ ở nhà của nhà trường	Trong năm học 2021-2022	Không
Xây dựng kế hoạch để GV các lớp phối kết hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ	Trong năm học 2021-2022	không

cho học sinh và các hoạt động giáo dục của nhà trường.				
Tăng cường trao đổi thông tin với phụ huynh để có những biện pháp phối hợp chăm sóc, giáo dục trẻ theo khoa học	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ	Tổ chức họp phụ huynh Trao đổi tuyên truyền trong giờ đón trả trẻ	Trong năm học 2021-2022	Không
Phối hợp tổ chức thăm quan ở các khu di tích ở điện biên như Đồi A1, Hàm Đờ cát , Tượng Đài cho trẻ mẫu giáo Lớn	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ	Tổ chức họp và trao đổi với phụ huynh	Trong năm học 2021-2022	Không
Hướng dẫn trẻ thực hiện luật giao thông đường bộ cho trẻ mẫu nhỡ, mẫu giáo lớn	CBQL, Giáo viên	Tổ chức các buổi thực hành trải nghiệm tại trường	Trong năm học 2021-2022	Không
Tổ chức cho trẻ các hoạt động trải nghiệm: Làm bánh, làm đồ chơi phù hợp với địa phương.	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ	Tổ chức các buổi thực hành trải nghiệm tại trường	Trong năm học 2021-2022	Không
Hướng dẫn trẻ làm đồ chơi của dân tộc trẻ	CBQL, Giáo viên, cha mẹ trẻ	Tổ chức các buổi thực hành trải nghiệm tại trường	Trong năm học 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường;

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường, các giải pháp cụ thể để thực hiện nhiệm vụ các năm học như: Xây dựng mạng lưới quy mô trường lớp; tham mưu chỉ đạo nhân dân các thôn bản, phối kết hợp với nhà trường xây dựng CSVC, cảnh quan trường lớp, xây phòng ngủ cho trẻ; huy động trẻ đến trường; công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, tổ chức các hoạt động lễ hội cho trẻ ở trường [H4-4.2-01].

Trong năm học, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ huynh về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, về các mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: Qua các buổi họp phụ huynh, tuyên truyền qua loa phóng thanh của thôn/đội bản, trao đổi với phụ huynh thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày [H1-1.1-07]; [H4-4.1-01].

Nhà trường tích cực tham mưu tới với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục [H4-4.2-01]. Huy động và sử dụng nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân để tu sửa cơ sở vật chất, xây dựng cảnh quan môi trường và các hoạt động của trẻ như: Nhóm từ thiện "Quý thiện tâm Hà nội" hỗ trợ 65 suất quà, cha mẹ học sinh đóng góp công lao động để giúp nhà trường tu sửa cơ sở vật chất, trồng rau, trồng hoa, huy động được 373 công lao động của phụ huynh tổng bằng 32.000.000 triệu đồng [H1-1.1-07];

Mức 2:

Trong năm học, nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch, biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ như: Công tác huy động trẻ ra lớp nhất là độ tuổi nhà trẻ, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, nâng cao chất lượng đội ngũ, tu sửa và xây dựng cơ sở vật chất [H1-1.1-01]; [H4-4.2-01].

Nhà trường phối hợp với đoàn thể ở địa phương như: Đoàn thanh niên xã để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống địa phương một cách hiệu quả như: Tết cổ truyền dân tộc Thái, giao lưu văn nghệ ngày 20/11, 8/3, 20/10, tổ chức cho cô và trẻ tham gia viếng khu tưởng niệm tại xã Noong Luống trong những ngày lễ hội, [H1-1.1-07]; [H4-4.1-01]; [H4-4.2-01].
phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe cho trẻ 2 lần /năm, cho trẻ uống vitamin A, thuốc giun, tiêm phòng vắc xin theo đợt cho trẻ [H1-1.10-02]

Mức 3:

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương trường được công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Công tác tham mưu với các cấp quản lý và phối hợp với các cơ quan, tổ chức để phát triển nhà trường đạt mục tiêu, chỉ tiêu được giao hàng năm. Các tổ chức đoàn thể địa phương nhiệt tình, luôn quan tâm ủng hộ phong trào của nhà trường với nhiều hoạt động thể hiện tình cảm và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với trẻ mầm non, tạo cho trẻ có môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện. Mọi hoạt động của nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ của các tổ chức từ thiện, đoàn thể và cá nhân trên địa bàn nên đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, đã huy động trẻ ra lớp đạt chỉ tiêu UBND huyện giao đặc biệt tỷ lệ trẻ 3-36 tháng ra lớp năm học 2021 -2022 vượt chỉ tiêu giao là 3 %, trường được công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn văn hóa

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương để được hỗ trợ nguồn kinh phí đầu tư cho những hoạt động giáo dục hàng năm của nhà trường.	CBQL	Các kế hoạch, tờ trình tham mưu với địa phương, các đoàn thể...	Trong năm học 2021-2022	
Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về	CBQL, giáo viên	Tổ chức hội nghị, các bài tuyên truyền...	Trong năm học 2021-2022	

mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục				
Tăng cường phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể địa phương tổ chức các hoạt động của nhà trường và có thêm nhiều hình thức phối hợp, giao lưu, tổ chức các cuộc thi gắn với nhiệm vụ của năm học để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh hơn.	CBQL, giáo viên, Đoàn thanh niên, Đoàn biên phòng	Kế hoạch tuyên truyền, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể.	Trong năm học 2021-2022	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Ban đại diện cha mẹ học sinh của 13/13 nhóm, lớp của trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ kế hoạch đề ra. Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; Phối hợp với nhà trường tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường, công lao động để tu sửa cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Tổng huy động được trong năm quy thành tiền là 132.000.000 (Một trăm ba mươi hai triệu đồng). Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp với hội khuyến học xã, chi hội khuyến học các thôn bản vận động học sinh ra lớp, tuyên truyền phụ huynh cho trẻ đi học đều đầy đủ và giám sát công tác bán trú, công tác thu - chi tài chính từ các nguồn đóng góp của phụ huynh có hiệu quả

Công tác tham mưu với các cấp quản lý và phối hợp với các cơ quan, tổ chức để phát triển nhà trường đạt mục tiêu, chỉ tiêu được giao hằng năm. Các tổ chức đoàn thể địa phương nhiệt tình, luôn quan tâm ủng hộ phong trào của nhà trường với nhiều hoạt động thể hiện tình cảm và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với trẻ mầm non, tạo cho trẻ có môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện. Mọi hoạt động của nhà trường luôn có sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ của các tổ chức từ thiện, đoàn thể và cá nhân trên địa bàn nên đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, đã huy động trẻ ra lớp đạt chỉ tiêu UBND huyện giao đặc biệt tỷ lệ trẻ 3-36 tháng ra lớp năm học 2021 -2022 vượt chỉ tiêu giao là 3 % , trường được công nhận cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa

+ *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 2 tiêu chí*

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1, 2, 3 : 2/2 tiêu chí

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Trong năm học 2021 - 2022 trường Mầm non xã Noong Luống thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN theo quy định của bộ giáo dục và đào tạo, có sự phát triển chương trình phù hợp với khả năng của trẻ, với thực tế của trường và địa phương. Nhà trường tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định phù hợp với độ tuổi, không ngừng đổi mới phương pháp dạy và học, tổ chức môi trường trải nghiệm, vui chơi tạo điều kiện cho trẻ tham gia, sáng tạo. Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Trạm y tế xã thực hiện nghiêm túc việc khảo sát, đánh giá trẻ, cân, đo, khám sức khỏe định kỳ theo đúng quy định nhằm phát hiện những trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi để có kế hoạch phục hồi, phòng, chống kịp thời làm giảm suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày một nâng cao. Chất lượng giáo dục trẻ được nâng cao, đa số trẻ có sự phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ theo mục tiêu của Chương trình GDMN. Tỷ lệ trẻ chuyên cần duy trì cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi, hàng năm có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời phù hợp.

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT- BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng BGD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của BGD&ĐT, cán bộ quản lý và giáo viên cốt cán đã xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường cho các khối lớp, Nhà trường có 1 lớp mẫu giáo ghép tại điểm trường Hưng Biên giáo viên đã xây dựng kế hoạch giáo dục ở lớp ghép đảm bảo các mục tiêu, nội dung trong chương trình phù hợp với các độ tuổi [H1-1.8-01], trên cơ sở đó các giáo viên xây dựng kế hoạch Chương trình giáo dục của các lớp theo năm học, tháng/chủ đề/tuần/ngày và tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch [H1-1.5-02].

Nhà trường đã phát triển chương trình GDMN do BGD&ĐT phù hợp với quy định chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục và phù hợp với điều kiện nhà trường, tình hình địa phương và khả năng nhận thức của trẻ [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02].

Nhà trường rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN theo định kỳ thông qua Hội đồng thẩm định, đánh giá vào các thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm [H1-1.8-01] và qua các hoạt động đánh giá trẻ cuối chủ đề, tròn tháng và đánh giá trẻ cuối độ tuổi [H5-5.1-01], chỉ đạo các nhóm lớp rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời [H1-1.5-02].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo chất lượng ở các độ tuổi được đánh giá qua mục tiêu các chủ đề, tròn tháng, cuối độ tuổi [H5-5.1-01].

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN theo kế hoạch và phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 bổ sung và sửa đổi một số nội dung chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với điều kiện nhà trường [H1-1.8-01], lựa chọn mục tiêu, nội dung xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề phù hợp với điều kiện của nhóm lớp, văn hóa của địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi. Tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ tuổi [H1-1.5-02].

Mức 3:

Khi xây dựng chương trình giáo dục nhà trường đã phát triển Chương trình giáo dục mầm non do BGD&ĐT ban hành và tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của địa phương nhưng chưa phát huy triệt để được nội dung tham khảo chương trình giáo dục các nước trong khu vực và thế giới vào chương trình giáo dục nhà trường [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02].

Trong năm học nhà trường tiến hành thẩm định, sơ kết, tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường để từ đó có sự điều chỉnh cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường theo kế hoạch đảm bảo chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế, văn hóa địa phương, phù hợp nhu cầu hứng thú của trẻ. Giáo viên lớp mẫu giáo ghép và đội ngũ cốt cán đã biết xây dựng kế hoạch giáo dục ở lớp ghép đảm bảo các mục tiêu, nội dung trong chương trình phù hợp với các độ tuổi. Hằng năm tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, có kế hoạch điều chỉnh phù hợp giúp Chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục ngày càng phù hợp với trẻ.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa tham khảo triệt để chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới để xây dựng chương trình giáo dục nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục phát triển chương trình giáo dục nhà trường phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên.	Bồi dưỡng chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định. Kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên	Trong năm học 2021-2022	Không
Tham khảo chương trình giáo dục của nước Anh phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên.	Tham khảo trên mạng Internet	Trong năm học 2021-2022	Không

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục ở các nhóm, lớp.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng	Kiểm tra thực tế trên trẻ ở các nhóm lớp, trên hồ sơ của giáo viên	Trong năm học 2021-2022	Không
Bồi dưỡng giáo viên dạy lớp ghép về xây dựng kế hoạch giáo dục	Cán bộ quản lý, tổ trưởng	Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ	Trong năm học 2021-2022	Không
Tổ chức lấy ý kiến phụ huynh, nhân dân trên địa bàn về chương trình giáo dục của nhà trường...	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên	Lồng ghép trong các buổi họp phụ huynh, qua hòm thư góp ý	Trong năm học 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "chơi mà học, học bằng chơi".

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường hướng dẫn giáo viên sử dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm lớp và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.5-02] nên kết quả chăm sóc, giáo dục của các nhóm lớp luôn đạt được mục tiêu đề ra cụ thể: năm học 2021-2022 có 97,6% trẻ đạt các mục tiêu phát triển [H1-1.1-07].

Nhà trường xây dựng trường mầm non theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường tạo sự đa dạng các khu vực cho trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm, vui chơi học tập như: Khu trải nghiệm với nước, với đá, lá cây, trồng cây, góc địa phương, khám phá thí nghiệm...tạo điều kiện tốt nhất để mọi trẻ đều có cơ hội sáng tạo, khám phá [3.1-02]

Giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của (nhóm) lớp như: Các hoạt động giáo dục trong lớp, ngoài lớp, hoạt động cá nhân, nhóm, giao lưu hoạt động tập thể giữa các lớp, hoạt động học, hoạt động chơi, tham quan di tích lịch sử, hoạt động lao động [3.1-02].

Mức 2:

Các nhóm, lớp trong nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với độ tuổi, với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ cũng như điều kiện thực tế của trường, lớp, địa phương [H1-1.5-02]; [3.1-02].

Mức 3:

Nhà trường đã tích cực xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học đảm bảo theo chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo môi trường, học liệu mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm trẻ “Chơi mà học, học bằng chơi” [H1-1.5-02]; [3.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm lớp và điều kiện thực tế. Xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường, xây dựng môi trường mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Giáo viên thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm/lớp.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục triển khai áp	Cán bộ	Kế hoạch	Trong năm	

dụng có hiệu quả Chương trình GDMN phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương.	quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	giáo dục của nhà trường, của trẻ.	học 2021-2022	Không
Chỉ đạo giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong công tác xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, thường xuyên tổ chức các hoạt động CSGD tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội học tập, vui chơi	Cán bộ quản lý, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Kế hoạch giáo dục nhà trường của các lớp	Trong năm học 2021-2022	Không
Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, đặc biệt là về việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo hướng thực hành, trải nghiệm.	Phó hiệu trưởng	Tổ chức trong các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ	Năm học 2021-2022	Không
Tiếp tục thực hiện chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.	Phó hiệu trưởng	Kế hoạch giáo dục của nhà trường	Năm học 2021-2022	Không
Tiếp tục thực hiện chuyên đề giáo dục kỹ năng sống, tình cảm kỹ năng xã hội.	Phó hiệu trưởng	Kế hoạch giáo dục nhà trường	Năm học 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc, sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng các biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ được cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3: Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường đã phối kết hợp với trạm y tế xã Noong Luông tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa [H1-1.10-02].

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, được đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H1-1.10-02]. Trong năm học tỷ lệ trẻ có sự phát triển ở kênh bình thường đạt từ 97,5% trở lên cụ thể: Tính đến tháng 10/2021 Cân nặng bình thường đạt 97,5%, chiều cao bình thường 97,5% [H1-1.10-02].

Ngay từ đầu năm học nhà trường căn cứ trên kết quả cân đo trẻ đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi, được can thiệp các những biện pháp phù hợp đảm bảo như: Thay đổi khẩu phần ăn để có chế độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp, tiến hành cân đo hàng tháng, nâng cao các hoạt động chăm sóc trẻ [H5-5.3-04]. Kết quả phục hồi dinh dưỡng trong năm học được cải thiện so với đầu năm học cụ thể: tỷ lệ thấp còi giảm 51%, suy dinh dưỡng giảm 52,6% [H1-1.10-02]; [H5-5.3-01].

Mức 2:

Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ thông qua các buổi họp phụ huynh, bảng tuyên truyền của trường và các lớp, các hoạt động của trẻ và trao đổi trực tiếp về tình hình của trẻ hằng ngày [3.1-02].

Nhà trường xây dựng thực đơn theo ngày, tuần và thay đổi phù hợp với từng mùa trong năm đảm bảo chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường phù hợp với độ tuổi đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định như: Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn theo độ tuổi, số bữa ăn theo quy định, nước

uống, tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng, chế biến hấp dẫn để trẻ ăn ngon miệng, hết khẩu phần [1.6-04].

Nhà trường và các lớp xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, có các biện pháp can thiệp phù hợp, do đó hằng năm tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ được cải thiện, tính đến thời điểm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ đã giảm so với đầu năm học. Thể nhẹ cân giảm xuống đến cuối năm còn dưới 2,5%, thể thấp còi giảm xuống đến cuối năm còn dưới 2,5% [H1-1.10-02]; [H5-5.3-03].

Mức 3:

Trong năm học nhà trường được đánh giá kết quả chăm sóc cân nặng và chiều cao bình thường của trẻ đạt từ 97,5% trở lên [H1-1.10-02]; [H1-1.1-07].

2. Điểm mạnh

Trong năm học nhà trường đã phối kết hợp với Trạm Y tế xã Noong Luống, tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ, phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Hằng năm tỷ lệ trẻ có cân nặng bình thường đạt từ 97,5% trở lên, tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về chiều cao đạt 98%. Nhà trường căn cứ trên kết quả đánh giá chất lượng cân đo, đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, hằng năm đánh giá so với kết quả đầu năm học phục hồi đạt trên 80%, nhà trường không có trẻ béo phì.

3. Điểm yếu: Nhà trường còn 2,5% trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, chiếm và 2% trẻ thể thấp còi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Duy trì kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng, thấp còi cho trẻ của nhà trường, có biện pháp phù hợp để giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi như: xây dựng thực đơn phù	Cán bộ quản lý, nhân viên y tế, giáo viên cốt cán	Kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng, thấp còi	Trong năm học 2021 - 2022	Không

hợp, đảm bảo tỷ lệ dinh dưỡng và tuyên truyền với phụ huynh tăng khẩu phần ăn, bổ sung thêm dinh dưỡng cho trẻ ở nhà				
Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho trẻ.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế xã	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và trạm y tế xã Noong Luống	Trong năm học 2021-2022	Không
Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. hợp đồng với các nhà cung ứng thực phẩm đảm bảo, đủ điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Các công văn hướng dẫn thực hiện VSATTP	Trong năm học 2021-2022	Không
Phối kết hợp có hiệu quả với cha mẹ trẻ tổ chức ăn bán trú cho trẻ, đặc biệt quan tâm cải thiện bữa ăn cho trẻ bị suy dinh dưỡng	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Kế hoạch y tế.	Trong năm học 2021-2022	Không
Tích cực xây dựng môi trường rèn luyện thể chất, tạo điều kiện cho trẻ thực hành, luyện tập thể chất. Chú trọng giáo dục dinh dưỡng cho trẻ, rèn cho trẻ một số kỹ năng lao động, vệ sinh tự phục vụ phù hợp độ tuổi.	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế.	Kế hoạch truyền thông	Trong năm học 2021-2022	Không
Hướng dẫn cha mẹ chăm sóc trẻ khi trẻ ở nhà: vệ sinh thân thể, ăn uống đủ chất	Cán bộ quản lý, giáo viên, y tế	Tổ chức các buổi tuyên truyền về dinh dưỡng, sức khỏe cho phụ huynh	Trong năm học 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80% ;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 80%

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến độ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Trong năm 2021 - 2022 tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi đạt 97,1%, trẻ dưới 5 tuổi đạt trên 94,4% trở lên [H5-5.4-01]. Còn 5,6 % trẻ đi học không chuyên cần do trẻ còn nhỏ hay ốm sốt

Trong năm học số trẻ 5 tuổi $96/96 = 100\%$ trẻ trong nhà trường đều hoàn thành Chương trình GDMN và được bàn giao chuyên lên học tiểu học [H5-5.4-02].

Năm học 2021 - 2022 nhà trường có 1 trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 2:

Giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh đảm bảo trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ chuyên cần hằng năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 98% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 95% trở lên [H5-5.4-01].

Trong năm học 2021 - 2022 trẻ 5 tuổi đi học hoàn thành chương trình đạt 100% [H5-5.4-02].

Trong năm học tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-03].

Mức 3:

Trong năm học 2021 - 2022 tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học hoàn thành chương trình đạt 100% [H5-5.4-02].

Tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 1 trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tỷ lệ chuyên cần trong năm đối với trẻ 5 tuổi đạt 98% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 95% trở lên. Trong năm học nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

3. Điểm yếu: Không. Còn 5,6 % trẻ dưới 5 tuổi đi học không chuyên cần do một số trẻ hay ốm đau và nghỉ học đặc biệt là trẻ nhà trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Cán bộ quản lý nhà trường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc giáo viên nâng cao tỷ lệ bé chăm trong nhà trường	Cán bộ quản lý, giáo viên	Theo dõi trẻ đi học hàng ngày	Trong năm 2021-2022	Không
Nhà trường chỉ đạo giáo viên tuyên truyền, huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu UBND huyện giao và đảm bảo tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần.	Cán bộ quản lý, giáo viên	Tổ chức các buổi tuyên truyền lồng ghép vào các buổi họp phụ huynh và giờ đón trả trẻ	Trong năm 2021-2022	Không
Duy trì tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN	Cán bộ quản lý, giáo viên	Cung cấp đầy đủ kiến thức trong chương trình cho trẻ phù hợp với độ tuổi	Trong năm 2021-2022	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường theo kế hoạch đảm bảo chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế, văn hóa địa phương, phù hợp nhu cầu hứng thú của trẻ. Giáo viên lớp mẫu giáo ghép và đội ngũ cốt cán đã biết xây dựng kế hoạch giáo dục ở lớp ghép đảm bảo các mục tiêu, nội dung trong chương trình phù hợp với các độ tuổi. Trong năm học tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, có kế hoạch điều chỉnh phù hợp giúp Chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục ngày càng phù hợp với trẻ. Tuy nhiên Nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới để xây dựng chương trình giáo dục nhà trường.

Nhà trường đã vận dụng linh hoạt các phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ theo độ tuổi của các nhóm lớp và điều kiện thực tế. Xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm, tích cực tôn tạo cảnh quan môi trường, xây dựng môi trường mở phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm theo phương châm "Chơi mà học, học bằng chơi". Giáo viên thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm/lớp.

Trong năm học nhà trường đã phối kết hợp với Trạm Y tế xã Noong Luông, tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học cho trẻ, phối hợp thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ. Nhà trường chú trọng tới công tác tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ về cách chăm sóc trẻ khoa học tại gia đình, các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Trong năm học tỷ lệ trẻ có cân nặng bình thường đạt từ 97,5% trở lên, tỷ lệ trẻ phát triển bình thường về chiều cao đạt 98 %. Nhà trường căn cứ trên kết quả đánh giá chất lượng cân đo, đã triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng, hằng năm đánh giá so với kết quả đầu năm học phục hồi đạt trên 80%, nhà trường không có trẻ béo phì. Nhưng nhà trường còn 2,5 % trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, và 2 % trẻ thể thấp còi.

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh và cộng đồng huy động trẻ ra lớp. Tỷ lệ chuyên cần trong năm học đối với trẻ 5 tuổi đạt 98% trở lên, trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 95% trở lên. Trong năm học nhà trường có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Tuy nhiên vẫn còn

5,6 % trẻ dưới 5 tuổi đi học không chuyên cần do một số trẻ hay ốm đau và nghỉ học đặc biệt là trẻ nhà trẻ.

+ *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: Mức 1, 2: 4/4 tiêu chí; mức 3: 3/4 tiêu chí.*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.*

PHẦN III

KẾT LUẬN CHUNG

Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá của nhà trường đã diễn ra liên tục, bền bỉ, với sự đầu tư công sức, trí tuệ của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong toàn trường mà tiêu biểu là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình: Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non. Tiêu chuẩn đánh giá trường mầm non với 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí; Các tiêu chuẩn được đánh giá chính xác, khách quan, phản ánh đúng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Mức 1:

- *Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25/25.*

- *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.*

Mức 2:

- *Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 25/25.*

- *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0.*

Mức 3:

- *Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 16/19*

- *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 3/19*

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non xã Noong Luống huyện Điện Biên đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Trường Mầm non xã Noong Luống đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2, trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

Trên đây là báo cáo công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của trường mầm non xã Noong Luống - Huyện Điện Biên - tỉnh Điện Biên./.

Noong Luống, ngày 29 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bền